BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016*

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán như sau:

1. Sửa đổi khoản 6, 7, bổ sung khoản 8, 9 Điều 2 như sau:

"6. *Hợp nhất* là việc hai hoặc một số công ty chứng khoán (sau đây gọi là công ty chứng khoán bị hợp nhất) hợp nhất thành một công ty chứng khoán mới (sau đây gọi là công ty chứng khoán hợp nhất) đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty chứng khoán bị hợp nhất.

7. *Sáp nhập* là việc một hoặc một số công ty chứng khoán (sau đây gọi là công ty chứng khoán bị sáp nhập) sáp nhập vào một công ty chứng khoán khác (sau đây gọi là công ty chứng khoán nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty chứng khoán nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty chứng khoán bị sáp nhập.

8. *Cho vay* là hình thức theo đó công ty chứng khoán giao hoặc cam kết giao cho bên nhận hoặc bên sử dụng một khoản tiền, tài sản, chứng khoán trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và có thể có lãi hoặc không.

9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán."

2. Sửa đổi Điều 12 như sau:

"Điều 12. Thay đổi vốn điều lệ

1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh tăng vốn điều lệ bao gồm:

a) Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Xác nhận về khoản vốn tăng thêm của ngân hàng nơi mở tài khoản phong toả hoặc xác nhận của tổ chức kiểm toán được chấp thuận về khoản vốn tăng thêm hoặc Báo cáo tài chính tại thời điểm sau khi công ty chứng khoán hoàn thành việc tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán tăng vốn điều lệ từ các nguồn vốn thuộc vốn chủ sở hữu;

c) Báo cáo về việc thay đổi cơ cấu sở hữu trước và sau khi tăng vốn điều lệ; hồ sơ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 30 Thông tư này đối với trường hợp đợt tăng vốn có cổ đông, thành viên mới nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giảm vốn điều lệ bao gồm:

a) Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Báo cáo kết quả việc mua lại và hủy cổ phiếu, phần vốn góp để giảm vốn điều lệ đã được tổ chức kiểm toán được chấp thuận xác nhận hoặc Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại thời điểm sau khi công ty chứng khoán hoàn thành việc mua lại và hủy cổ phiếu, phần vốn góp để giảm vốn điều lệ;

c) Báo cáo về việc thay đổi cơ cấu sở hữu trước và sau khi giảm vốn điều lệ.

3. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động cho công ty chứng khoán.Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

"Điều 14. Đình chỉ hoạt động của công ty chứng khoán

1. Công ty chứng khoán bị đình chỉ hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động có thông tin cố ý làm sai sự thật;

b) Sau khi hết thời hạn cảnh báo (kiểm soát hoặc kiểm soát đặc biệt) theo quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, công ty chứng khoán không cung cấp được bằng chứng chứng minh công ty đã khắc phục được tình trạng cảnh báo (tỷ lệ vốn khả dụng đạt từ một trăm tám mươi phần trăm (180%) trở lên trong ba (03) tháng liên tục, trong đó tỷ lệ vốn khả dụng tại kỳ báo cáo cuối cùng phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận) và có lỗ gộp đạt mức năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ hoặc có vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất thấp hơn vốn pháp định theo các nghiệp vụ kinh doanh được cấp phép;

c) Hoạt động sai mục đích hoặc không đúng với nội dung quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động;

d) Không duy trì một trong các điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Thông tư này;

đ) Các trường hợp bị đình chỉ theo quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Đối với các trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước căn cứ vào hình thức và mức độ vi phạm để ra quyết định đình chỉ một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán, trong đó nêu rõ thời hạn và phạm vi đình chỉ.

3. Trong thời gian bị đình chỉ, công ty chứng khoán không được ký mới, gia hạn các hợp đồng có liên quan đến các nghiệp vụ kinh doanh bị đình chỉ hoạt động; phải thực hiện tất toán, chuyển tài khoản theo yêu cầu của khách hàng

(nếu có); có phương án khắc phục và báo cáo tình hình thực hiện phương án theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.Trường hợp bị đình chỉ hoạt động tự doanh, công ty chứng khoán chỉ được bán, không được tăng thêm các khoản đầu tư kinh doanh, trừ trường hợp buộc phải mua vào để sửa lỗi giao dịch hoặc giao dịch lô lẻ hoặc được hưởng các quyền có liên quan đến chứng khoán đang nắm giữ theo quy định của pháp luật hiện hành."

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

"Điều 15. Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động

1. Công ty chứng khoán bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Các trường hợp theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 70 Luật Chứng khoán; trường hợp bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Thông tư này hoặc theo quyết định giải thể của Tòa án;

b) Không khắc phục được các vi phạm quy định tại các điểm a, c, d khoản 1 Điều 14 Thông tư này trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày bị đình chỉ hoạt động;

c) Không khắc phục được tình trạng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư này trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày bị đình chỉ hoạt động;

d) Công ty chứng khoán hết thời hạn hoạt động theo Điều lệ công ty hoặc tự nguyện giải thể;

đ) Công ty chứng khoán phá sản;

e) Công ty chứng khoán bị hợp nhất, bị sáp nhập.

2. Quá trình thực hiện giải thể, phá sản, công ty chứng khoán phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể quy định tại điểm h khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ xử lý tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng và hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người quy định tại điểm a khoản này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn năm (05) năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động đối với các trường hợp nêu tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày bị buộc thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định chấm dứt mọi hoạt động kinh doanh được cấp phép của công ty chứng khoán để thực hiện thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

b) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ ngày nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty chứng khoán có trách nhiệm công bố thông tin về quyết định này. Công ty chứng khoán có trách nhiệm chấm dứt hoàn toàn việc thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh được cấp phép, ngừng ký mới tất cả các hợp đồng có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày công ty chứng khoán nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên công ty chứng khoán phải quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên bất thường để thông qua việc giải thể, quyết định phương án giải quyết nợ cho chủ nợ và những người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu ra quyết định giải thể công ty chứng khoán, công ty chứng khoán có trách nhiệm công bố thông tin về việc giải thể công ty kèm theo phương án giải quyết nợ cho chủ nợ và những người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan;

d) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phương án xử lý tài khoản tự doanh, các hợp đồng đã ký với khách hàng còn hiệu lực có liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đang thực hiện và các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng mở tại công ty chứng khoán (nếu có). Phương án bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Thời điểm và phương thức công bố thông tin, thông báo cho từng khách hàng về việc chấm dứt mọi hoạt động kinh doanh chứng khoán được cấp phép;

- Thời gian dự kiến tất toán tài khoản giao dịch (đóng hoặc chuyển tài khoản) theo yêu cầu của khách hàng, thời gian tất toán tối thiểu là ba mươi (30) ngày;

- Thời điểm ngừng mở tài khoản mới;

- Thời điểm dự kiến ngừng giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán;

- Thời điểm ngừng giao dịch rút/nộp tiền của khách hàng;

- Thời gian dự kiến chốt số dư tài khoản của khách hàng chưa đến tất toán;

- Phương án xử lý đối với tài khoản của khách hàng chưa đến tất toán, tài khoản có tranh chấp;

- Phương án xử lý tài khoản tự doanh chứng khoán;

- Phương án xử lý các hợp đồng đã ký với khách hàng còn hiệu lực có liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đang thực hiện.

đ) Trong thời hạn không quá bốn mươi lăm (45) ngày, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có ý kiến về phương án được lập theo quy định tại điểm d khoản này, công ty chứng khoán phải thực hiện phương án theo trình tự như sau:

- Công bố thông tin và thông báo đến từng khách hàng theo phương án;

- Thực hiện tất toán tài khoản, hoàn trả (chuyển khoản) đầy đủ tiền và chứng khoán theo yêu cầu khách hàng;

- Sau khi hết thời hạn tất toán tài khoản, lập danh sách toàn bộ số tài khoản của khách hàng chưa đến tất toán kèm theo số dư tiền và chứng khoán của từng tài khoản này;

- Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn tất toán tài khoản theo yêu cầu của khách hàng, công ty chứng khoán báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình tất toán tài khoản, tài khoản chưa thực hiện tất toán kèm theo số dư tiền và chứng khoán của từng tài khoản này, tình hình thực hiện phương án xử lý tài khoản tự doanh và các hợp đồng đã ký với khách hàng còn hiệu lực có liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đang thực hiện;

- Công ty chứng khoán có thể thỏa thuận thực hiện chuyển giao tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng còn tồn cho công ty chứng khoán khác.

Đối với trường hợp thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Luật Chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền chỉ định công ty chứng khoán thay thế để tiếp nhận bàn giao các tài khoản giao dịch chứng khoán còn tồn của khách hàng công ty chứng khoán bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động. Trong trường hợp này, quan hệ ủy quyền mặc nhiên được xác lập giữa hai công ty.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại (trường hợp công ty chứng khoán không còn thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên) của công ty chứng khoán có trách nhiệm chỉ định thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Giám đốc hoặc nhân viên kiểm soát nội bộ thực hiện các thủ tục để chuyển giao đầy đủ tài sản cho khách hàng.

e) Trong vòng năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc chuyển giao toàn bộ các tài khoản của khách hàng, công ty chứng khoán báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả xử lý tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng còn tồn. Quy định này không áp dụng đối với công ty chứng khoán hoàn tất thủ tục tất toán cho khách hàng trong thời hạn tất toán tài khoản theo yêu cầu của khách hàng;

g) Trong vòng năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được báo cáo theo quy định tại điểm đ và e khoản này, công ty chứng khoán thực hiện thủ tục giải thể theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thông báo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

h) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể, người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán hoặc người được công ty chứng khoán chỉ định theo quy định tại điểm đ khoản này phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hồ sơ giải thể như sau:

- Báo cáo kết quả về việc thực hiện giải thể, việc xử lý các khoản nợ, phải trả khác kèm theo bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

- Văn bản về việc thu hồi con dấu của cơ quan công an, văn bản về việc hoàn tất nghĩa vụ thuế của cơ quan thuế, văn bản xác nhận việc xử lý hết các nghĩa vụ nợ, nghĩa vụ phải trả khác;

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại thời điểm hoàn tất việc giải thể.

i) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm h khoản này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

4. Thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp nêu tại điểm d khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu ra quyết định giải thể công ty chứng khoán, công ty chứng khoán có trách nhiệm công bố thông tin về việc giải thể công ty;

b) Công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới xây dựng phương án xử lý các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

c) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có ý kiến bằng văn bản về phương án xử lý tài khoản khách hàng;

d) Sau khi nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty chứng khoán thực hiện phương án xử lý tài khoản khách hàng theo trình tự quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;

đ) Sau khi hoàn tất việc tất toán và chuyển giao các tài khoản của khách hàng theo hợp đồng thỏa thuận với công ty chứng khoán khác, công ty chứng khoán nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận giải thể. Hồ sơ đề nghị chấp thuận giải thể được lập thành một (01) bản gốc nộp trực tiếp tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện, hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị chấp thuận giải thể công ty chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số VIII ban hành kèm theo Thông tư này);

- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu về việc giải thể công ty chứng khoán;

- Báo cáo tất toán tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng và phương án tất toán, xử lý các hợp đồng, quyền lợi và nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.

e) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại điểm đ khoản này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định chấp thuận cho công ty chứng khoán thực hiện thủ tục giải thể.Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

g) Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty chứng khoán có trách nhiệm công bố thông tin về quyết định chấp thuận giải thể;

h) Trình tự thủ tục giải thể công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

i) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể, công ty chứng khoán thực hiện các thủ tục theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều này;

k) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ giải thể hợp lệ theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

5. Thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động đối với các trường hợp nêu tại điểm đ khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi công ty chứng khoán nhận được quyết định mở thủ tục phá sản hoặc quyết định tuyên bố công ty chứng khoán phá sản theo thủ tục rút gọn quy định tại khoản 1 Điều 105 Luật Phá sản, công ty chứng khoán phải thực hiện công bố thông tin về các quyết định này;

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày công bố theo quy định tại điểm a khoản này, công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới phải xây dựng phương án xử lý các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

c) Công ty chứng khoán thực hiện xử lý tài khoản khách hàng theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;

d) Công ty chứng khoán thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định tại Luật Phá sản;

đ) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố công ty chứng khoán phá sản, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và công bố thông tin theo quy định.

6. Thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động đối với các trường hợp nêu tại điểm e khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán tham gia hợp nhất, bị sáp nhập đồng thời với việc cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán hợp nhất và hoàn tất việc sáp nhập theo quy định tại khoản 6 Điều 67 Thông tư này.”

5. Bổ sung Mục 5 Chương III như sau:

“Mục 5
ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Điều 26a. Đầu tư ra nước ngoài của công ty chứng khoán

1. Công ty chứng khoán lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có dự án lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản;

b) Đáp ứng quy định về an toàn tài chính sau khi trừ đi vốn cấp cho chi nhánh, vốn đầu tư ra nước ngoài;

c) Đảm bảo duy trì vốn chủ sở hữu, sau khi trừ đi vốn cấp cho chi nhánh, vốn đầu tư ra nước ngoài, không thấp hơn vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh đang được cấp phép;

d) Phạm vi hoạt động, lĩnh vực đầu tư phải trong phạm vi kinh doanh theo giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán thành lập tại Việt Nam.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài của công ty chứng khoán được lập thành một bộ gốc nộp trực tiếp tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện, hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đề nghị chấp thuận lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài của công ty chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục X(a) ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài phù hợp với quy định của điều lệ công ty chứng khoán;

c) Phương án hoạt động, đầu tư ra nước ngoài, bao gồm mức vốn dự kiến đầu tư, nguồn vốn đầu tư, đối tác giao dịch (nếu có), lĩnh vực đầu tư, nội dung và phạm vi hoạt động, kế hoạch hoạt động kinh doanh và các thông tin khác có liên quan trong ba năm đầu.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản chấp thuận việc đầu tư ra nước ngoài của công ty chứng khoán. Trường hợp từ chối chấp thuận, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không chấp thuận.

4. Sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty chứng khoán thực hiện việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư và quản lý ngoại hối.

5. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại điện hoặc phê duyệt dự án đầu tư ở nước ngoài, công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hồ sơ báo cáo bao gồm:

a) Thông tin về địa điểm đặt trụ sở, nhân sự của chi nhánh, văn phòng đại diện, giá trị vốn đầu tư, ngày khai trương hoạt động kèm theo các văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư và quản lý ngoại hối;

b) Tài liệu, hồ sơ nộp cho cơ quan quản lý nhà nước ở nước ngoài, kèm theo bản sao hợp lệ giấy phép, văn bản chấp thuận hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền ở nước ngoài cấp.

6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày công ty chứng khoán chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hoặc thu hồi khoản đầu tư ra nước ngoài, công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Thông tin báo cáo bao gồm:

a) Thông tin về tên, địa chỉ, lý do chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài;

b) Trách nhiệm của công ty chứng khoán về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài hoặc khoản đầu tư kèm theo bản sao hợp lệ văn bản chấp thuận hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền ở nước ngoài cấp (nếu có).”

6. Sửa đổi khoản 3 Điều 28 như sau:

“3. Công ty chứng khoán có thể có một (01) hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật theo quy định của Điều lệ công ty. Điều lệ công ty chứng khoán quy định trách nhiệm, số lượng, chức danh quản lý, quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật. Trường hợp công ty chứng khoán có thay đổi người đại diện theo pháp luật, công ty chứng khoán đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 13 Thông tư này. Các trường hợp cụ thể về người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán:

a) Trường hợp công ty chứng khoán có một (01) người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Nếu Điều lệ công ty không có quy định khác, người đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên;

b) Trường hợp công ty chứng khoán có hơn một người đại diện theo pháp luật, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải là người đại diện theo pháp luật của công ty. Công ty chứng khoán lựa chọn đăng ký Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Người đại diện theo pháp luật đã đăng ký là người chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp công ty chứng khoán có thay đổi người đại diện theo pháp luật đã đăng ký, công ty chứng khoán thực hiện báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.”

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 30 như sau:

“1. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của công ty chứng khoán được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và trường hợp chuyển nhượng theo quyết định của tòa án.”

8. Bổ sung khoản 4 Điều 31 như sau:

"4. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu công ty chứng khoán thông qua tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán."

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

"Điều 39. Tăng vốn điều lệ, hoán đổi cổ phần, phần vốn góp

1. Tăng vốn điều lệ

a) Công ty chứng khoán không được tăng vốn điều lệ khi chưa chính thức tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán;

b) Các hình thức tăng vốn điều lệ của công ty chứng khoán là công ty trách nhiệm hữu hạn:

- Chủ sở hữu đầu tư góp thêm vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên góp vốn góp thêm vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên;

- Huy động thêm vốn đầu tư từ các thành viên góp vốn mới. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty chứng khoán phải thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý của công ty theo quy định tại Điều 64 và 65 Thông tư này;

- Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác để tăng vốn điều lệ: Trường hợp tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận để lại và các nguồn vốn hợp lệ khác thuộc vốn chủ sở hữu, công ty phải bảo đảm có đủ nguồn vốn thực hiện sau khi đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định pháp luật hướng dẫn về chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán.Công ty không được sử dụng các khoản dự phòng tài chính và chênh lệch giá từ việc đánh giá lại tài sản để tăng vốn điều lệ;

- Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ: Các khoản nợ được phép hoán đổi phải là các khoản nợ đã được trình bày trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét và đã được Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên thông qua.

c) Các hình thức tăng vốn điều lệ của công ty chứng khoán là công ty cổ phần:

- Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu và cho các đối tượng khác theo phương thức chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác để tăng vốn điều lệ: Trường hợp tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận để lại và các nguồn vốn hợp lệ khác thuộc vốn chủ sở hữu, công ty phải bảo đảm có đủ nguồn vốn thực hiện sau khi đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định pháp luật hướng dẫn về chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán. Công ty không được sử dụng các khoản dự phòng tài chính và chênh lệch giá từ việc đánh giá lại tài sản để tăng vốn điều lệ. Trường hợp công ty sử dụng nguồn thặng dư vốn do chênh lệch giữa giá bán và giá vốn mua vào cổ phiếu quỹ, công ty chỉ được thực hiện sau khi đã bán hết cổ phiếu quỹ. Trường hợp công ty sử dụng nguồn thặng dư vốn do chênh lệch giữa mệnh giá và giá bán trong các đợt phát hành, công ty chỉ được thực hiện sau một năm kể từ thời điểm kết thúc đợt phát hành;

- Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ: Các khoản nợ được phép hoán đổi phải là các khoản nợ đã được trình bày trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Công ty chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu sau khi đáp ứng đủ điều kiện chuyển đổi theo quy định của pháp luật.

d) Trước khi thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, công ty chứng khoán phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, hồ sơ đăng ký gồm:

- Giấy đăng ký tăng vốn điều lệ, trong đó nêu rõ hình thức tăng vốn, giá trị phần vốn tăng thêm;

- Quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu về việc tăng vốn và phương án huy động vốn đã được Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu công ty chứng khoán thông qua;

- Danh sách thành viên góp vốn mới, thành viên góp từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán kèm theo các tài liệu quy định tại điểm d khoản 2 Điều 30 Thông tư này (nếu có);

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất đối với trường hợp kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác để tăng vốn điều lệ hoặc trường hợp tăng vốn điều lệ theo hình thức cơ cấu lại nợ theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển nợ thành vốn góp, công ty phải thực hiện chuyển đổi theo quy định tại Điều 64, 65 Thông tư này.

đ) Trước khi thực hiện tăng vốn theo các hình thức quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, công ty chứng khoán phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện như sau:

- Trường hợp chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu và cho các đối tượng khác: Trường hợp chào bán cổ phiếu cho một số cổ đông xác định từ một trăm (100) cổ đông trở lên, công ty chứng khoán thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng. Trường hợp chào bán cổ phiếu cho một số cổ đông xác định dưới một trăm (100) cổ đông, công ty chứng khoán thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán riêng lẻ;

- Trường hợp kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác để tăng vốn điều lệ: Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định về phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng;

- Trường hợp tăng vốn điều lệ để cơ cấu lại nợ theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ: Công ty chứng khoán thực hiện theo quy định về chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ của công ty đại chúng;

- Trường hợp chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần: Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ khi hoàn thành chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

2. Hoán đổi vốn cổ phần, phần vốn góp, chào bán cổ phiếu riêng lẻ để chuyển đổi thành công ty cổ phần:

a) Trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần hoặc phần vốn góp nhằm mục đích hợp nhất, sáp nhập với công ty chứng khoán khác hoặc mua lại công ty quản lý quỹ:

- Trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần, phần vốn góp cho một số cổ đông xác định từ một trăm (100) cổ đông trở lên: Điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện theo quy định về chào bán cổ phiếu ra công chúng để hoán đổi cổ phần theo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;

- Trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần, phần vốn góp cho một số cổ đông xác định dưới một trăm (100) cổ đông: Điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện theo quy định về chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi.

b) Trường hợp chào bán cổ phiếu riêng lẻ để chuyển đổi thành công ty cổ phần: Công ty chứng khoán phải có Quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên thông qua việc chuyển đổi thành công ty cổ phần và chào bán riêng lẻ để

chuyển đổi thành công ty cổ phần kèm theo phương án chuyển đổi và phương án chào bán đã được Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên thông qua. Trình tự, thủ tục chào bán cổ phiếu riêng lẻ để chuyển đổi thành công ty cổ phần của công ty chứng khoán thực hiện theo quy định chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được tài liệu hợp lệ về việc tăng vốn điều lệ, hoán đổi vốn cổ phần, phần vốn góp, chào bán riêng lẻ để chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định tại điểm d, đ khoản 1, khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời công ty chứng khoán bằng văn bản về việc tăng vốn điều lệ, hoán đổi cổ phần, phần vốn góp, chào bán riêng lẻ để chuyển đổi thành công ty cổ phần.

4. Sau khi hoàn tất việc thực hiện tăng vốn điều lệ, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc công ty chứng khoán thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 12 Thông tư này."

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

"Điều 40. Chỉ tiêu an toàn tài chính

1. Công ty chứng khoán phải đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán của Bộ Tài chính.

2. Vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán tối thiểu bằng vốn pháp định theo quy định của Chính phủ cho từng nghiệp vụ kinh doanh. Trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn pháp định (theo báo cáo hoạt động tháng gần nhất), trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ khi vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn pháp định, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên công ty chứng khoán có trách nhiệm:

a) Xây dựng và triển khai phương án xử lý (tăng vốn, rút nghiệp vụ) để đảm bảo giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng vốn pháp định;

b) Báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án xử lý quy định tại điểm a khoản này và cam kết thực hiện phương án, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

- Giá trị của vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo;

- Nguyên nhân vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn pháp định;

- Các biện pháp đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu không thấp hơn vốn pháp định và đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ khi vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán thấp hơn vốn pháp định tính theo báo cáo hoạt động tháng, vốn chủ sở hữu

của công ty chứng khoán phải tối thiểu bằng vốn pháp định. Hết thời hạn sáu (06) tháng vốn chủ sở hữu không bằng vốn pháp định, công ty chứng khoán chịu các hạn chế hoạt động sau đây:

a) Không được chia lợi nhuận; không được lập chi nhánh, lập phòng giao dịch, lập văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài; không được bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, đăng ký giao dịch ký quỹ chứng khoán;

b) Trường hợp công ty chứng khoán còn đang hoặc chưa khắc phục được các tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt và lỗ gộp đạt mức dưới năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty, trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết thời hạn sáu (06) tháng để tăng vốn hoặc rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo quy định tại khoản này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định đình chỉ một hoặc một số hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán, bảo đảm theo nguyên tắc, vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng vốn pháp định tương ứng với các nghiệp vụ còn lại được phép duy trì. Trình tự, thủ tục đình chỉ một hoặc một số hoạt động công ty chứng khoán thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư này. Sau khi hết thời hạn đình chỉ, nguồn vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán vẫn không đáp ứng vốn pháp định, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định rút nghiệp vụ của công ty chứng khoán đã bị đình chỉ trước đó.

4. Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng tại ngày 30 tháng 6 hàng năm phải được soát xét và tại ngày 31 tháng 12 hàng năm phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

5. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về công ty chứng khoán bị kiểm soát, kiểm soát đặc biệt và các thông tin có liên quan khác trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi ra quyết định đặt công ty chứng khoán vào tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt."

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

"Điều 41. Cổ phiếu quỹ

1. Trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng, mua sửa lỗi theo quy định của Trung tâm Lưu ký chứng khoán, mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp, công ty chứng khoán là công ty cổ phần được mua lại không quá mười phần trăm (10%) số cổ phần phổ thông đã phát hành làm cổ phiếu quỹ.

2. Công ty chứng khoán được dùng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và các nguồn khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ

sung vốn điều lệ (không bao gồm quỹ dự phòng tài chính) theo quy định của pháp luật để mua cổ phiếu quỹ. Sau khi mua cổ phiếu quỹ, công ty chứng khoán phải đảm bảo vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

Các chỉ tiêu trên được dựa trên Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất (trường hợp công ty chứng khoán là công ty mẹ) đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất nhưng không quá sáu tháng tính đến thời điểm dự kiến mua cổ phiếu quỹ.

3. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục mua lại, bán cổ phiếu quỹ của công ty chứng khoán được thực hiện theo quy định đối với công ty đại chúng.

4. Trường hợp công ty chứng khoán đã hoàn tất việc mua lại cổ phiếu quỹ, thực hiện tiêu hủy cổ phiếu quỹ để giảm vốn điều lệ, công ty chứng khoán phải điều chỉnh giảm vốn điều lệ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này."

12. Bổ sung khoản 3 Điều 42 như sau:

"3. Công ty chứng khoán chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định tại khoản 1 và 2 Điều này. Trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng, công ty chứng khoán thực hiện theo quy định về chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng. Trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trình tự, hồ sơ thủ tục thực hiện như sau:

a) Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của công ty chứng khoán được lập thành một bộ gốc nộp trực tiếp tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện, hồ sơ bao gồm:

- Giấy đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trong đó nêu rõ giá trị chào bán và đối tượng chào bán;

- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi và phương án chuyển đổi trái phiếu. Phương án chuyển đổi trái phiếu phải nêu rõ điều kiện, thời hạn tiến hành chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá chuyển đổi;

- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của công ty chứng khoán đối với người đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác;

- Kế hoạch phát hành cổ phiếu trong thời gian đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi và phương án đền bù cho người sở hữu trái phiếu chuyển đổi.

b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo cho công ty chứng khoán và công bố trên trang thông tin điện tử xác nhận việc đã tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của công ty chứng khoán;

c) Công ty chứng khoán thực hiện việc chào bán theo phương án đã đăng ký và phải hoàn thành đợt chào bán trong thời gian chín mươi (90) ngày, kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ;

d) Công ty chứng khoán phải mở một tài khoản phong tỏa tại ngân hàng thương mại không phải là người có liên quan của công ty chứng khoán hoặc có liên quan đến đợt chào bán để tiếp nhận vốn huy động theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Chứng khoán;

đ) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, công ty chứng khoán phải gửi báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kèm theo xác nhận của ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán;

e) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả chào bán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi thông báo xác nhận kết quả chào bán cho công ty chứng khoán;

g) Sau khi nhận được thông báo xác nhận kết quả chào bán từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tổ chức phát hành được yêu cầu chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán."

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

"Điều 43. Hạn chế cho vay

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này, công ty chứng khoán không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức.

2. Công ty chứng khoán không được dùng tiền, tài sản của công ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba.

3. Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với Chủ sở hữu, cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị công ty chứng khoán bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.

4. Công ty chứng khoán đã được thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định pháp luật được cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán dưới hình thức giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Công ty chứng khoán được cho vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch, hoặc cho vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan."

14. Sửa đổi khoản 3, điểm d, e khoản 4 và bổ sung điểm g khoản 4 Điều 44 như sau:

"3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu."

"4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh."

15. Sửa đổi khoản 4, bổ sung khoản 9, 10, 11 Điều 45 như sau:

"4. Công ty chứng khoán phải bố trí người hành nghề chứng khoán có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với các nghiệp vụ hoạt động. Nhân viên hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán không được kiêm nhiệm thực hiện các công việc tại các bộ phận thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý tài khoản giao dịch ủy thác."

"9. Trong hoạt động nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, công ty chứng khoán phải ký hợp đồng trực tiếp với khách hàng thông qua đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền, giao quyền thực hiện. Công ty chứng khoán phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và thực hiện hợp đồng theo quy định tại hợp đồng, phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán, quy định của pháp luật về hợp đồng và các quy định của pháp luật đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán đã giao kết.

10. Tài sản của khách hàng do công ty chứng khoán tiếp nhận và quản lý bao gồm tiền gửi giao dịch chứng khoán được công ty quản lý theo quy định tại Điều 50 Thông tư này và chứng khoán lưu ký, lưu giữ tại công ty chứng khoán theo quy định tại Điều 51 Thông tư này, kể cả trên tài khoản chuyên dụng đứng tên công ty chứng khoán, là tài sản của khách hàng, không phải của công ty chứng khoán. Trường hợp công ty chứng khoán giải thể hoặc bị phá sản, các tài sản này phải được hoàn trả cho khách hàng sau khi trừ đi nghĩa vụ nợ phải trả của khách hàng đối với công ty chứng khoán.

11. Công ty chứng khoán, nhân viên tại công ty chứng khoán không được thực hiện các công việc sau:

a) Môi giới giao dịch vay, mượn tài sản giữa các khách hàng hoặc giữa khách hàng và bên thứ ba trừ trường hợp vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch hoặc vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục;

b) Đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân quy định tại Điều 61 Thông tư này.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 68 như sau:

“Điều 68. Chế độ báo cáo

1. Việc báo cáo của công ty chứng khoán phải đầy đủ, kịp thời và phản ánh chính xác tình hình thực tế của công ty chứng khoán.

2. Công ty chứng khoán phải gửi báo cáo định kỳ bằng tệp dữ liệu điện tử cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các thời hạn và quy định như sau:

a) Trước ngày làm việc thứ năm (05) của tháng tiếp theo, công ty chứng khoán phải gửi Báo cáo tình hình hoạt động tháng (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII Thông tư này);

b) Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc quý, công ty chứng khoán phải gửi Báo cáo tài chính quý. Trường hợp công ty chứng khoán phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, công ty chứng khoán phải gửi báo cáo tài chính quý hợp nhất trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc quý;

c) Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính, công ty chứng khoán phải gửi báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Trường hợp công ty chứng khoán phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, công ty chứng khoán phải gửi báo cáo tài chính bán niên hợp nhất đã được soát xét trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính;

d) Báo cáo năm:

- Trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo, công ty chứng khoán phải gửi báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động của công ty (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIII Thông tư này);

- Trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo, công ty chứng khoán phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán được chấp thuận. Trường hợp công ty chứng khoán phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất, công ty chứng khoán phải gửi báo cáo tài chính năm hợp nhất đã được kiểm toán trong thời hạn một trăm (100) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

đ) Báo cáo tài chính của công ty chứng khoán gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại điểm b, c, d khoản này phải đầy đủ các thành phần và nội dung theo quy định của pháp luật kế toán quy định đối với công ty chứng khoán;

e) Trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến kiểm toán ngoại trừ chưa nêu chi tiết khoản mục ngoại trừ và lý do ngoại trừ, công ty chứng khoán phải có văn bản giải trình và có xác nhận của kiểm toán gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chậm nhất ba mươi (30) ngày kể từ ngày gửi báo cáo theo quy định tại điểm c và d khoản này.

3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ khi xảy ra các sự kiện dưới đây, công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản:

a) Vay, đầu tư vượt quá hạn mức quy định tại Điều 42 và Điều 44 Thông tư này;

b) Ngày trụ sở chính công ty chứng khoán, chi nhánh, phòng giao dịch khai trương hoạt động.

4. Báo cáo theo yêu cầu:

Trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền yêu cầu công ty chứng khoán báo cáo bằng văn bản, trong đó nêu rõ nội dung và thời hạn báo cáo.”

17. Bổ sung Phụ lục X(a), sửa đổi Phụ lục XI, XXII, XXIII, ban hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

18. Bãi bỏ Điều 38 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016. Những quy định trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, công ty chứng khoán có vốn chủ sở hữu thấp hơn mức vốn pháp định theo các nghiệp vụ kinh doanh được cấp phép, công ty chứng khoán phải thực hiện các biện pháp cần thiết, đúng quy định để đảm bảo vốn chủ sở hữu không thấp hơn vốn pháp định theo quy định tại Thông tư này; công ty chứng khoán phải thực hiện sửa đổi Điều lệ mẫu theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục X(a)
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN LẬP CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN LẬP CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Công ty chứng khoán (tên đầy đủ của công ty ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số:..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài như sau:

Trường hợp thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện

- Tên nước dự kiến thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện

- Tên chi nhánh, văn phòng đại diện:.....

- Địa chỉ đặt chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện:.....

- Mức vốn đầu tư:.....

- Nội dung, phạm vi hoạt động:.....

Trường hợp đầu tư ra nước ngoài

- Tên nước dự kiến đầu tư:.....

- Tên tổ chức dự kiến đầu tư:.....

- Địa chỉ tổ chức dự kiến đầu tư:.....

- Mức vốn đầu tư:..... Tỷ lệ góp vốn:.....

- Lĩnh vực đầu tư:.....

- Hình thức đầu tư:.....

Thông tin về tài chính sau khi thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài (tính theo BCTC và tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét):

- Tỷ lệ an toàn tài chính:.....

- Vốn chủ sở hữu sau khi trừ đi khoản vốn cấp hoặc đầu tư:

Lý do thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài:.....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung Giấy đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo:	**Đại diện công ty**
(Liệt kê đầy đủ)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục XI

MẪU ĐIỀU LỆ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN/TNHH CHỨNG KHOÁN

.....(Tên công ty)

....., ngày.... tháng.... năm....

MỤC LỤC

Căn cứ pháp lý

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

Điều 7. Quyền của Công ty

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

Chương II. Vốn điều lệ, cổ phần/phần vốn góp; cổ đông/thành viên/chủ sở hữu

Mục 1. Vốn điều lệ, cổ phần/phần vốn góp

Điều 10. Vốn điều lệ

Điều 11. Các loại cổ phần (đối với công ty cổ phần)

Điều 12. Sổ đăng ký thành viên/sổ đăng ký cổ đông

Điều 13. Cổ phiếu (quy định đối với công ty cổ phần)

Điều 14. Chuyển nhượng phần vốn góp/cổ phần

Điều 15. Mua lại phần vốn góp/cổ phần

Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

Mục 2. Chủ sở hữu/thành viên sáng lập/cổ đông sáng lập; quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu/thành viên/cổ đông

Điều 17. Thông tin về Chủ sở hữu/thành viên sáng lập/cổ đông sáng lập

Điều 18. Quyền của chủ sở hữu/thành viên/cổ đông của Công ty

Điều 19. Nghĩa vụ của chủ sở hữu/thành viên/cổ đông

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu/thành viên/cổ đông là tổ chức.

Chương III. Quản trị, điều hành công ty

Mục 1. Quản trị, điều hành của công ty cổ phần

Điều 21. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 26. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 28. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 31. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 32. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 33. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 35. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Điều 37. Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị

Điều 38. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc); Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc (Tổng giám đốc) và thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Điều 41. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần của thành viên Ban Kiểm soát

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Điều 44. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Mục 2. Quản trị, điều hành của công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH)

Điều 47. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

Điều 49. Cuộc họp Hội đồng thành viên

Điều 50. Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

Điều 51. Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên

Điều 52. Biên bản họp Hội đồng thành viên

Điều 53. Chủ tịch Hội đồng thành viên

Điều 54. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng thành viên

Điều 55. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

Điều 56. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Điều 57. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Điều 58. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

Điều 59. Số lượng thành viên, thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên

Điều 61. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

Điều 62. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

Điều 63. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Chương IV. Xử lý mối quan hệ với các đối tác liên quan

Điều 64. Các tranh chấp có thể xẩy ra

Điều 65. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

Điều 66. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận

Điều 67. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

Chương V. Quản lý tài chính, kế toán

Điều 68. Năm tài chính

Điều 69. Hệ thống kế toán

Điều 70. Kiểm toán

Điều 71. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

Điều 72. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Điều 73. Trích lập các quỹ theo quy định

Chương VI. Gia hạn thời hạn hoạt động, tổ chức lại, giải thể và phá sản công ty

Điều 74. Gia hạn thời hạn hoạt động

Điều 75. Tổ chức lại Công ty

Điều 76. Giải thể

Điều 77. Phá sản

Chương VII. Sửa đổi và bổ sung điều lệ

Điều 78. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Chương VIII. Hiệu lực của Điều lệ

Điều 79. Ngày hiệu lực

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

- Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên Công ty.... tại Nghị quyết số..... ngày.....,

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Công ty" là Công ty cổ phần/Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) chứng khoán..... (tên đầy đủ bằng tiếng Việt của Công ty);

b. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị số vốn do chủ sở hữu đã góp/tổng giá trị các phần vốn góp do các thành viên đã góp/tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;

c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

e. "Người quản lý công ty" bao gồm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc), Giám đốc chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;

f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;

g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

h. "UBCK" là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

i. .... (Thuật ngữ khác do công ty quy định).

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

b. Tên tiếng Anh:

c. Tên giao dịch:

d. Tên viết tắt:

2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên/Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên/Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán.

3. Trụ sở Công ty:

a. Địa chỉ trụ sở chính: (Ghi rõ số nhà, phố, phường, quận/huyện, thành phố, tỉnh)

b. Điện thoại: Fax: Email:

c. Địa chỉ trang web:

4. Mạng lưới hoạt động:

a. Công ty có thể có chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Chủ sở hữu/Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên trong phạm vi pháp luật cho phép;

b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;

c. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận;

d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là... năm/vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là:

a. Chức danh của người đại diện theo pháp luật:.....

b. Quyền của người đại diện theo pháp luật:.....

c. Trách nhiệm và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:.....

3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Chủ sở hữu/Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng thành viên/chủ sở hữu công ty/Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên: Nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của Công ty bị tạm giam, phạt tù, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật, thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của Công ty.

7. Trong một số trường hợp đặc biệt người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

(Lưu ý: Trường hợp công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật, Điều lệ công ty phải quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật, xác định rõ người đại diện theo pháp luật đăng ký chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; mối quan hệ ràng buộc giữa những người đại diện theo pháp luật; cơ chế chuyển giao trách nhiệm giữa những người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam, trốn khỏi nơi cư trú, bị tạm giam, phạt tù, bị mất hoặc hạn chế, mất năng lực hành vi hoặc bị tước quyền hành nghề....).

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là (chọn một, một số hoặc toàn bộ các nghiệp vụ sau căn cứ vào Giấy phép thành lập và hoạt động đã được UBCK cấp cho Công ty):

a. Môi giới chứng khoán;

b. Tự doanh chứng khoán;

c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

d. Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại khoản 1 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là:.....

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.

3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.

5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.

6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

8. ... (Nguyên tắc khác do công ty quy định phù hợp với pháp luật).

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.

2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.

3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.

4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật.

5. ... (Các quyền khác do công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:

a. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;

c. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

d. Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;

e. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;

f. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;

g. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;

h. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;

i. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;

j. Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

k. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định;

l. ... (Nguyên tắc khác do công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

2. Nghĩa vụ đối với cổ đông/thành viên:

a. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;

b. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông/thành viên để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông/thành viên, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông/thành viên;

c. Không được thực hiện các hành vi sau:

- Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các thành viên/cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);

- Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần/phần vốn góp của các cổ đông/thành viên;

- Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông/thành viên một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc), kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;

- Tạo thu nhập cho cổ đông/thành viên bằng cách mua lại cổ phiếu/phần vốn góp của các cổ đông/thành viên dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;

- Xâm phạm đến các quyền của cổ đông/thành viên như: Quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;

d. ... (Nghĩa vụ khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:

a. Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;

b. Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;

c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;

d. Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;

e. Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;

f. Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;

g. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;

h. Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;

i. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;

j. Bảo mật thông tin của khách hàng:

- Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;

- Quy định tại điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:

+ Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

+ Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

k. ... (Nghĩa vụ khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:

a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;

b. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;

c. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;

d. Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;

e. Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;

f. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;

g. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

h. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;

i. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thỏa thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thỏa thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;

j. ... (Các quy định khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:

a. Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào Ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:

- Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;

- Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;

- Đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;

b. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;

c. Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;

d. ... (Quy định khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc):

a. Thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;

b. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác;

c. Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Giám đốc (Tổng Giám đốc) không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

e. ... (Quy định khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

Chương II
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP; CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN/CHỦ SỞ HỮU

Mục 1
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP

Điều 10. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là..... VND (bằng chữ:.....).

Điều 11. Các loại cổ phần (đối với công ty cổ phần)

1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành... cổ phần. Mệnh giá cổ phần là... đồng Việt Nam/cổ phần.

2. Các loại cổ phần của Công ty:

a. Cổ phần phổ thông:... cổ phần;

b. Cổ phần ưu đãi biểu quyết:... cổ phần;

c. Cổ phần ưu đãi cổ tức:... cổ phần;

d. Cổ phần ưu đãi hoàn lại:... cổ phần;

e. Cổ phần ưu đãi....: ... cổ phần (do công ty quy định phù hợp với pháp luật).

3. Những người được quyền mua cổ phần ưu đãi:.....

4. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức, tỉ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Đặc điểm của các loại cổ phần:

a. Cổ phần phổ thông: Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có 01 phiếu biểu quyết;

b. Cổ phần ưu đãi biểu quyết: Là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Một cổ phần ưu đãi biểu quyết có... phiếu biểu quyết. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập mới được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba (03) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sau thời hạn này, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông;

c. Cổ phần ưu đãi cổ tức: Là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được trả hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức;

d. Cổ phần ưu đãi hoàn lại: là cổ phần được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Điều 12. Sổ đăng ký thành viên/sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký thành viên/sổ đăng ký cổ đông ngay khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Sổ đăng ký thành viên/sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Hình thức của sổ đăng ký thành viên/sổ đăng ký cổ đông: Văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này (do công ty quyết định).

4. Sổ đăng ký thành viên/sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với sổ đăng ký cổ đông).

5. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với trường hợp cổ phiếu công ty chưa đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký phần vốn góp/cổ phần cho thành viên/cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho thành viên/cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện.

6. .... (Quy định khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

Điều 13. Cổ phiếu (quy định đối với công ty cổ phần)

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công ty.

2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Chuyển nhượng phần vốn góp/cổ phần

1. Đối với công ty TNHH một thành viên:

Công ty có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của mình sau ba (03) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Đối với công ty TNHH từ hai thành viên trở lên/công ty cổ phần:

a. Phần vốn góp/cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này;

b. Thành viên sáng lập/cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng phần vốn góp/cổ phần của mình trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày thành lập, trừ trường hợp chuyển nhượng cho thành viên sáng lập/cổ đông sáng lập khác trong Công ty và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là thành viên sáng lập/cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc chuyển nhượng này vẫn phải đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của các thành viên sáng lập/cổ đông sáng lập theo quy định của pháp luật hiện hành. Hết thời hạn trên, các hạn chế đối với phần vốn góp của thành viên sáng lập/cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ. Hạn chế chuyển nhượng của thành viên sáng lập/cổ đông sáng lập chỉ áp dụng đối với phần vốn góp/số cổ phần đã mua tại thời điểm thành lập Công ty.

3. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông/thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán (đối với công ty cổ phần) và chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án.

Điều 15. Mua lại phần vốn góp/cổ phần

1. Công ty chỉ được quyền mua lại phần vốn góp/cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp mua lại phần vốn góp/cổ phần

a. Mua lại theo yêu cầu của thành viên/cổ đông:

Thành viên/cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại phần vốn góp/cổ phần của mình, nếu thành viên/cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông về việc: Tổ chức lại Công ty; sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên, Hội đồng thành viên/quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Yêu cầu mua lại phần vốn góp/cổ phần phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty trong thời hạn... ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

b. Mua lại theo quyết định của Công ty (đối với công ty cổ phần):

Công ty có thể mua lại cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ theo quyết định của Chủ sở hữu/Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cách thức tăng vốn điều lệ của Công ty:

a. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn:

- Tăng vốn góp của thành viên/chủ sở hữu;

- Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới;

- Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;

- Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ.

b. Đối với công ty cổ phần:

- Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;

- Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;

- Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng;

- Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ.

3. Việc giảm vốn điều lệ do Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

Mục 2
CHỦ SỞ HỮU/THÀNH VIÊN SÁNG LẬP/CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP; QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU/THÀNH VIÊN/CỔ ĐÔNG

Điều 17. Thông tin về Chủ sở hữu/thành viên sáng lập/cổ đông sáng lập

1. Chủ sở hữu của Công ty (Đối với công ty TNHH một thành viên)

a. Tên chủ sở hữu:

b. Quốc tịch:

c. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

d. Địa chỉ trụ sở chính:

e. Đặc điểm cơ bản:

2. Thành viên sáng lập/cổ đông sáng lập (Đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên và công ty cổ phần):

a. Thành viên sáng lập/cổ đông sáng lập là thành viên/cổ đông góp vốn/mua cổ phần, tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.

b. Các thông tin cơ bản của thành viên sáng lập/cổ đông sáng lập:

- Tên:

- Địa chỉ thường trú:

- Quốc tịch:

- Số Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với pháp nhân), Giấy chứng minh nhân dân (đối với cá nhân):... ngày cấp:... nơi cấp:....

- Phần vốn góp và giá trị vốn góp, tỉ lệ góp vốn của từng thành viên sáng lập (đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên); số cổ phần, giá trị cổ phần tính theo mệnh giá, tỉ lệ nắm giữ cổ phần, loại cổ phần, tổng số cổ phần được quyền chào bán theo từng loại cổ phần của từng cổ đông sáng lập (đối với công ty cổ phần).

c. Các thành viên sáng lập/cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ cổ phần/phần vốn góp tối thiểu...% vốn điều lệ. Thành viên sáng lập/cổ đông sáng lập là ngân hàng, công ty bảo hiểm, tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật phải duy trì tỷ lệ nắm giữ tối thiểu...% vốn điều lệ trong vòng ba (03) năm kể từ ngày thành lập.

Điều 18. Quyền của Chủ sở hữu/thành viên/cổ đông Công ty

1. Quyền của Chủ sở hữu công ty (Đối với Công ty TNHH một thành viên)

a. Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

b. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

c. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý Công ty;

d. Quyết định các dự án đầu tư phát triển;

e. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

f. Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng... (do Công ty quy định) có giá trị bằng hoặc lớn hơn...% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g. Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn....% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty);

h. Quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức khác;

i. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;

j. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty;

k. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;

l. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty;

m. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

n. ... (Quyền khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

2. Quyền của thành viên (đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên)

a. Tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;

b. Có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp;

c. Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi Công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

d. Được chia giá trị tài sản còn lại của Công ty tương ứng với phần vốn góp khi Công ty giải thể hoặc phá sản;

e. Được ưu tiên góp thêm vốn vào Công ty khi Công ty tăng vốn điều lệ;

f. Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần, tặng cho hoặc cách khác theo quy định của pháp luật;

g. Tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người đại diện theo pháp luật và cán bộ quản lý khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

h. Trừ trường hợp quy định tại khoản i Điều này, thành viên hoặc nhóm thành viên sở hữu từ.....% vốn điều lệ trở lên còn có thêm các quyền sau đây:

- Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền;

- Kiểm tra, xem xét, tra cứu sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;

- Kiểm tra, xem xét, tra cứu và sao chụp sổ đăng ký thành viên, biên bản họp và các nghị quyết của Hội đồng thành viên và các hồ sơ khác của Công ty;

- Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng thành viên trong thời hạn 90 ngày kể ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên nếu trình tự, thủ tục, điều kiện cuộc họp hoặc nội dung nghị quyết đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

i. Trường hợp Công ty có một thành viên sở hữu trên 90% vốn điều lệ (và tại điểm h khoản này Công ty không quy định một tỷ lệ khác nhỏ hơn 10%) thì nhóm thành viên còn lại đương nhiên có quyền như quy định tại điểm h khoản này;

j. .... (Các quyền khác do Công ty quy định phù với pháp luật hiện hành).

3. Quyền của cổ đông (đối với công ty cổ phần):

a. Quyền của cổ đông phổ thông:

- Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

- Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

- Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

- Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ....% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:

+ Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

+ Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

+ Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

• Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

• Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

• ... (Các trường hợp khác Công ty quy định phù hợp với pháp luật).

(Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền).

+ Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp, số giấy phép thành lập và hoạt động đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

+ ... (Quyền khác do công ty quy định phù hợp với phát luật hiện hành).

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong các trường hợp theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- ... (Quyền khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

b. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết:

- Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại Điều... của Điều lệ này;

- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác.

c. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức:

- Nhận cổ tức theo quy định tại Điều... của Điều lệ này;

- Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;

- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

d. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại:

- Được Công ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại Điều... của Điều lệ này;

- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 19. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu/thành viên/cổ đông

1. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu (đối với công ty TNHH một thành viên):

a. Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ Công ty;

b. Tuân thủ Điều lệ công ty;

c. Phải xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu công ty và tài sản của Công ty;

d. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Chủ sở hữu và Công ty;

e. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty;

f. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;

g. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Nghĩa vụ của thành viên (đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên):

a. Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp;

b. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp;

c. Tuân thủ Điều lệ công ty;

d. Chấp hành quyết định của Hội đồng thành viên;

e. Thành viên sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của Công ty thì thành viên đó và người có liên quan không được sở hữu trên năm phần trăm (5%) số cổ phần hoặc phần vốn góp của một công ty chứng khoán khác; không

được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các thành viên khác. Đồng thời, phải thông báo đầy đủ, kịp thời cho Công ty trong một số trường hợp theo quy định của pháp luật;

f. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để thực hiện các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác;

- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;

g. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Nghĩa vụ của cổ đông (đối với công ty cổ phần)

a. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

b. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

c. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

d. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu/thành viên/cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu/thành viên/cổ đông phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu/thành viên/cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:....

3. Trường hợp chủ sở hữu/thành viên/cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp/số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu/thành viên/cổ đông không xác định phần vốn góp/số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì phần vốn góp/số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

4. Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau đây:.....

5. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền

a. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh chủ sở hữu/thành viên/cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu/thành viên/cổ đông tại Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của chủ sở hữu/thành viên/cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu/thành viên/cổ đông tương ứng tại Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;

b. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu/thành viên/cổ đông ủy quyền;

c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu/thành viên/cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Chủ sở hữu/thành viên/cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

(Xem tiếp Công báo số 231 + 232)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng